

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày tháng 11 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH KHỐI LƯỢNG
VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

**Gói thầu: “Cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp điện và chiếu sáng”
thuộc Dự án “Khu nhà ở thương mại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá,
huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình”
Địa điểm: xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên**

I. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP NGHIỆM THU:

1. Đại diện bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐẠT (Bên A)

Địa chỉ: Nhà ông Phạm Văn Chiến, thôn Hữu, xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện: Ông **Phạm Văn Chiến** Chức vụ: Giám đốc

Thành phần tham gia nghiệm thu:

- | | |
|----------------------|---------------------|
| - Ông Phạm Văn Chiến | - Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông Trần Duy Tùng | - Chức vụ: |
| - Ông Phạm Mạnh Hùng | - Chức vụ: |

2. Nhà thầu tư vấn QLDA: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Bắc Thái Bình

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Ông Phạm Đức Duy | - Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông Phạm Văn Trà | - Chức vụ: Trưởng ban QLDA |
| - Ông Phạm Đình Ngọc | - Chức vụ: Cán bộ QLDA |

3. Nhà thầu tư vấn giám sát: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn giám sát xây dựng Thái Bình Dương và Công ty cổ phần thương mại và xây dựng HD Thái Bình

- | | |
|-----------------------|--|
| - Ông Vũ Gia Dương | - Chức vụ: Giám đốc công ty CP GSXD Thái BìnhDương |
| - Ông Lê Minh Hiệu | - Chức vụ: Giám đốc công ty CPTM&XD HD Thái Bình |
| - Ông Trần Thanh Hồng | - Chức vụ: CB Giám sát |

4. Nhà thầu thi công: Công ty TNHH xây dựng và TĐD Vinh Phát (Bên B)

- | | |
|------------------------|------------------------|
| - Ông Nguyễn Thế Nhiệm | - Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông Vũ Văn Hợp | - Chức vụ: CB Kỹ thuật |

II. NỘI DUNG

1. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 08 giờ 00, ngày tháng 11 năm 2025

Kết thúc: 11 giờ 00, ngày tháng 11 năm 2025

Tại: Công trình.

2. Đánh giá công trình (hạng mục công trình) được nghiệm thu:

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ hợp đồng thi công lắp đặt số: 016/2025/HĐXD/TĐ-VP ngày 01 tháng 6 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Thành Đạt với Công ty TNHH xây dựng và thiết bị điện Vinh Phát gói thầu: “**Cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp điện và chiếu sáng**” thuộc Dự án “**Khu nhà ở thương mại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình**”.

- Căn cứ thiết kế bản vẽ thi công công trình “hệ thống cấp điện và chiếu sáng” thuộc Dự án “Khu nhà ở thương mại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình”

b. Chất lượng, khối lượng công trình (hạng mục công trình): Đạt yêu cầu

- **Chất lượng:** Đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật, an toàn.



Nội dung công việc : Theo bảng kê chi tiết khối lượng hoàn thành kèm theo.

c. Các ý kiến khác (nếu có): Không

3. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành khối lượng gói thầu: “*Cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp điện và chiếu sáng*” thuộc Dự án “*Khu nhà ở thương mại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình*” ..

- Kể từ ngày tháng 11 năm 2025, gói thầu: “*Cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp điện và chiếu sáng*” thuộc Dự án “*Khu nhà ở thương mại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình*” chính thức bàn giao để đưa vào khai thác, sử dụng. Công ty cổ phần Thành Đạt nhận bàn giao và khai thác công trình. Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo qui định đã ghi trong hợp đồng.

- Yêu cầu phải sửa chữa, hoàn thiện bổ sung hoặc các ý kiến khác: Không.

Các bên tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Chiến

ĐẠI DIỆN TV QLDA



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Dũng



ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC

Vũ Gia Dương

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Nhiệm

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án “Khu nhà ở thương mại thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình”.
Gói thầu: “Cung cấp và lắp đặt hệ thống cáp điện và chiếu sáng”
Địa điểm: thôn Đà Giang, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên)
Hợp đồng số: số: 016/2025/HĐXD/TĐ-VP ngày 01 tháng 6 năm 2025

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Ghi chú	
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)		Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
BẢNG I: BẢNG KÊ VẬT LIỆU ĐƯỜNG DÂY 22kV								
I.	Thiết bị đường dây 22kV							
1	Cầu dao phụ tải 24kV/630A, ngoài trời Polymer trọn bộ (Cầu dao, giá đỡ, cần thao tác)	bộ	1	1	1			
2	Chống sét van 24kV	bộ	1	1	1			
3	Cầu chì cắt có tải 24kV/100A (I _{dc} =100A)	bộ	1	1	1			
II.	Phần móng cột, hào cáp, tiếp địa đường dây 22kV							
1	Móng cột MTD5-14	móng	1	1	1			
2	Tiếp địa cầu dao, đầu cáp + chống sét van	bộ	1	1	1			
3	Rãnh cáp ngầm 24kV trên vỉa hè	mét	191	191	191			
4	Rãnh cáp ngầm 24kV qua đường nhựa Aslphan	mét	11	11	11			
III.	Vật liệu đường dây 22kV							
1	Cột điện bê tông li tâm T14D	cột	2	2	2			
2	Xà XC42nL-SC-NB	bộ	1	1	1			
3	Xà đỡ dây 3 sứ (CĐC 2m)	bộ	1	1	1			
4	Giàng cột GC0	bộ	1	1	1			
5	Giàng cột GC1	bộ	1	1	1			
6	Giàng cột GC2	bộ	1	1	1			
7	Giàng cột GC3	bộ	1	1	1			
8	Xà đỡ cầu dao liên động 24kV	bộ	1	1	1			
9	Xà đỡ đầu cáp + chống sét van 24kV	bộ	1	1	1			
10	Xà đỡ cầu chì cắt có tải 24kV	bộ	1	1	1			
11	Xà đỡ đầu cáp + chống sét van 24kV	bộ	1	1	1			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Ghi chú	
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)		Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Thanh đỡ cáp	bộ	1	1	1			
13	Côliê đai cáp + đai ống thép	bộ	1	1	1			
14	Xà đỡ ghế cách điện 4 sứ	bộ	1	1	1			
15	Ghế cách điện 4 sứ	bộ	1	1	1			
16	Côliê cổ sứ ghế 24kV	cái	4	4	4			
17	Thang trèo	bộ	1	1	1			
18	Giá bắt thang trèo	bộ	1	1	1			
19	Sứ đứng góm linepost 24kV + ty sứ	quả	8	8	8			
20	Chuối néo thủy tinh 24kV + phụ kiện	bộ	6	6	6			
21	Cáp khô lõi đồng có vỏ bọc bằng thép loại Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 3x70-12/20(24)kV	mét	226	226	226			
22	Dây nhôm lõi thép ACSR-70/11	mét	116	116	116			
23	Dây đồng Cu/XLPE 1x70 mm2 - 12,7(24)kV	mét	15	15	15			
25	Dây đồng Cu/PVC 1x35 tiếp địa cầu dao, chống sét van	mét	30	30	30			
26	Đầu cáp khô ngoài trời loại co ngót nguội 3x70- 24kV	bộ	1	1	1			
27	Đầu cáp Tplug-in 1x70- 24kV + phụ kiện	bộ	3	3	3			
28	Bộ chia đầu cáp ngầm 3x70	bộ	1	1	1			
29	Đầu cốt đồng nhôm AM70	cái	6	6	6			
30	Đầu cốt đồng M70	cái	18	18	18			
32	Đầu cốt đồng M35	cái	16	16	16			
33	Kẹp quai + hotline + Hộp chất chống ô xi hóa Penetrox	bộ	3	3	3			
34	Đầu nối hotline (lắp đặt cò lèo)	lèo	3	3	3			
35	Ống thép D168, dày 4,78mm (qua đường)	m	11	11	11			
36	Ống thép mạ kẽm Φ130 (lên cột)	m	3	3	3			
37	Ống nhựa xoắn chịu lực Φ130/100	m	191	191	191			
38	Viên sứ trắng men đánh dấu tuyến cáp ngầm	viên	38	38	38			
39	Cọc bê tông bảo hiệu cáp ngầm	viên	38	38	38			
40	Nút cao su chống thấm	cái	1	1	1			
41	Băng cao su non	cuộn	1	1	1			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)	Giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
42	Băng cao su lưu hóa	cuộn	1	1	1			
43	Băng keo PVC chịu nước	cuộn	1	1	1			
44	Biển báo hiệu cáp ngầm	cái	1	1	1			
45	Biển đề tên cáp ngầm	cái	1	1	1			
46	Bulong thép mạ F10x40	bộ	3	3	3			
BẢNG 2: KHỐI LƯỢNG TRẠM BIẾN ÁP								
IV	Thiết bị trạm biến áp							
1	Máy biến áp 560kVA-22/0,4kV, sứ elbow	máy	1	1	1			
	Tủ trung thế 3 ngăn 24kV-630A, 20kA/s							
2	- 2 ngăn cầu dao phụ tải vào/ra	tủ	1	1	1			
	- 1 ngăn cầu dao kèm bộ chỉ ra máy biến áp							
3	Cầu chì HRC 24kV 24A	bộ	1	1	1			
4	Cảm biến nhiệt độ Cymax	cái	1	1	1			
5	Điện trở sấy	cái	2	2	2			
6	Cảnh báo sự cố đầu cáp ngầm	bộ	1	1	1			
V	Vật liệu trạm biến áp							
1	Vỏ Trạm kios hợp bộ 560kVA sơn tĩnh điện kích thước: dài 3,8m; rộng 3,2m; cao 2,6m.	cái	1	1	1			
2	Tủ hạ thế 800A/450V	cái	1	1	1			
3	Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC/DATA/PVC-W 12/20(24)kV 1x50mm2	mét	21	21	21			
4	Đầu cáp Elbow 1x50-24kV + phụ kiện	bộ	6	6	6			
5	Cáp đồng 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC 1x185mm2	mét	49	49	49			
6	Cáp đồng 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC 4x35mm2	mét	7	7	7			
7	Cáp đồng 0,6/1kV Cu/PVC 1x185 mm2	mét	10	10	10			
8	Cáp đồng 0,6/1kV Cu/PVC 1x120mm2	mét	1	1	1			
9	Cáp đồng Cu/PVC 1x35	mét	15	15	15			
10	Đầu cốt đồng M185	cái	16	16	16			
11	Cách điện bọc đầu cốt M185	cái	16	16	16			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)	Giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Đầu cốt đồng M120	cái	2	2	2			
13	Đầu cốt đồng M35	cái						
14	Biển đề tên trạm biến áp	cái	1	1	1			
15	Biển cấm trạm biến áp	cái	1	1	1			
16	Quạt thông gió 220V	cái	1	1	1			
VI	Xây dựng trạm biến áp							
1	Móng trạm kios	móng	1	1	1			
2	Tiếp địa trạm kios	bộ	1	1	1			
BẢNG 3: TỔNG KÊ VẬT LIỆU TỬ TỔNG 400V -800A								
1	Vỏ tủ điện trong nhà KT: W1200xD800xH2200; tôn dày 1,5-2mm; sơn tĩnh điện	cái	1	1	1			
2	Máy biến dòng điện 800/5A (n=1, ccx= 0,5)	cái	6	6	6			
3	Vôn kế từ 0 -500V	cái	1	1	1			
4	Ampe kế 0 -800/5A	cái	3	3	3			
5	Công tắc chuyển mạch Vôn	cái	1	1	1			
6	Đèn báo tín hiệu (đỏ, vàng xanh, vàng)	Bộ	1	1	1			
7	Công tơ 3 pha 3 giá điện từ 3x5A/380/220V	cái	1	1	1			
8	Công tơ 3 pha điện từ 3x(10-80)A/380/220V	cái	1	1	1			
9	Áp tô mát 3 pha 800A/380V, Icu≥65kA	cái	1	1	1			
10	Áp tô mát 3 pha 300A/380V, Icu≥36kA	cái	2	2	2			
11	Áp tô mát 3 pha 350A/380V, Icu≥36kA	cái	1	1	1			
12	Áp tô mát 3 pha 50A/380V, Icu≥26kA	cái	2	2	2			
13	Thu lõi van hạ thế GZ-500V	bộ	1	1	1			
14	Thanh cái tổng + trung tính 800A	bộ	1	1	1			
15	Thanh cái lộ 300A	bộ	2	2	2			
16	Thanh cái lộ 350A	bộ	1	1	1			
17	Cách điện đỡ thanh cái	bộ	1	1	1			
18	Cách điện bọc thanh cái	bộ	4	4	4			
19	Dây đồng mềm Cu/PVC 1x35mm2	mét	6	6	6			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)	Giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
20	Đầu cốt đồng M35	cái	11	11	11			
21	Dây đồng nhiều sợi 0,6kV Cu/PVC 1x2,5mm2	mét	30	30	30			
22	Dây đồng Cu/PVC 1x10mm2	mét	3	3	3			
23	Ống nhựa xoắn F10	mét	3	3	3			
24	Băng dính cách điện	cuộn	5	5	5			
25	Vít 3x27	cái	12	12	12			
26	Đầu cốt Φ5	cái	20	20	20			
27	Cốt nối thẳng M4	cái	7	7	7			
28	Cốt nối thẳng M3	cái	3	3	3			
29	Bu lông F 8x40+ Rong đen	Cái	6	6	6			
30	Bu lông F6x40 + Rong đen	Cái	12	12	12			
31	Dây buộc nhựa dài 13cm Utylux	Cái	10	10	10			
BẢNG 4: BẢNG KÊ VẬT LIỆU ĐƯỜNG CÁP NGÀM 0,4KV VÀ HỘP CÔNG TƠ								
I. Phần móng, hào cáp, tiếp địa								
1	Rãnh cáp hạ thế đi qua vỉa hè	mét	963	963	963			
2	Rãnh cáp hạ thế đi qua đường	mét	78	78	78			
3	Móng tủ công tơ	móng	22	22	22			
4	Tiếp địa tủ công tơ	bộ	22	22	22			
II. Phần vật liệu điện								
1	Cáp ngầm 0,6/1kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x150 mm2	mét	253	253	253			
2	Cáp ngầm 0,6/1kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x120 mm2	mét	284	284	284			
3	Cáp ngầm 0,6/1kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x50 mm2	mét	431	431	431			
4	Cáp ngầm 0,6/1kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x35 mm2	mét	842	842	842			
5	Đầu cốt đồng M150	cái	8	8	8			
6	Đầu cốt đồng M120	cái	16	16	16			
7	Đầu cốt đồng M50	cái	64	64	64			
8	Đầu cốt đồng M35	cái	112	112	112			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)	Giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9	Tủ công tơ 1 pha H6	tủ	1	1	1			
10	Tủ công tơ 1 pha H7	tủ	6	6	6			
11	Tủ công tơ 1 pha H8	tủ	4	4	4			
12	Tủ công tơ 1 pha H9	tủ	3	3	3			
13	Tủ công tơ 1 pha H10	tủ	7	7	7			
14	Tủ công tơ 1 pha H12	tủ	1	1	1			
15	Ổng nhựa xoắn chịu lực Φ195/150	mét	253	253	253			
16	Ổng nhựa xoắn chịu lực Φ160/125	mét	266	266	266			
17	Ổng nhựa xoắn chịu lực Φ130/100	mét	0	0	0			
18	Ổng nhựa xoắn chịu lực Φ110/90	mét	1228	1228	1228			
19	Ổng nhựa xoắn chịu lực Φ32/25 (về hệ tiêu thụ)	mét	3024	3024	3024			
20	Ổng thép Φ219	m	78	78	78			
21	Bảng dính cách điện	cuộn	30	30	30			
22	Dây đồng Cu/PVC 1x35 tiếp địa tủ công tơ, trung gian	mét	44	44	44			
23	Đầu cốt đồng M35	cái	44	44	44			
24	Viên sứ bảo hiệu cáp ngầm	viên	193	193	193			
BẢNG 5: TỔNG KẾ VẬT LIỆU TỦ CÔNG TƠ								
1	Vỏ tủ công tơ KT 1100x800x350 sơn tĩnh điện	cái	11	11	11			
2	Vỏ tủ công tơ KT 1350x800x350 sơn tĩnh điện	cái	11	11	11			
3	Áp tô mát 3 pha 200A/380V	cái	22	22	22			
4	Thanh cái đồng tổng tủ công tơ	bộ	22	22	22			
5	Cách điện đỡ thanh cái 0,4kV	bộ	22	22	22			
6	Dây đồng mềm Cu/PVC 1x35mm2	mét	66	66	66			
7	Đầu cốt đồng M35	cái	220	220	220			
8	Thanh cái Aptomat	mét	11	11	11			
9	Biến đề tên tủ	cái	22	22	22			
10	Biến cảm lại gần	cái	22	22	22			
11	Móng tủ công tơ	móng	22	22	22			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Chênh lệch TH so với hợp		
						Tăng (+)	Giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
12	Tiếp địa tủ công tơ	bộ	22	22	22			
BẢNG 6: THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG CAO ÁP								
	I. Phần móng, hào cáp, tiếp địa							
1	Móng tủ điện	móng	1	1	1			
2	Móng cột đèn chiếu sáng 8m, 10m	móng	73	73	73			
3	Tiếp địa tủ điều khiển	bộ	1	1	1			
4	Tiếp địa cột đèn	bộ	73	73	73			
5	Hào cáp 0,4kV đi trên vỉa hè	m	737	737	737			
6	Hào cáp 0,4kV đi qua đường	m	73	73	73			
	II. Phần vật liệu điện							
1	Tủ điện chiếu sáng cao áp 2 modul	tủ	1	1	1			
2	Cột đèn chiếu sáng cao áp cao H=6m.	cột	56	56	56			
3	Cột đèn chiếu sáng cao áp cao H=8m.	cột	17	17	17			
4	Cản đèn đơn chiếu sáng cao 2m, vươn 1,5m	cái	73	73	73			
5	Đèn đường công suất 120W DIM	bộ	73	73	73			
6	Aptomát 1 pha 6A/220V	cái	73	73	73			
7	Bảng điện bakelit dây 10 ly	cái	73	73	73			
8	Cầu đấu 3P-50A/380V	cái	73	73	73			
9	Thanh bất aptomat	cái	73	73	73			
10	Dây đồng M35 nối tiếp địa tủ điện điều khiển	mét	3	3	3			
11	Đầu cốt đồng M35	cái	2	2	2			
12	Cáp ngầm 0,6-1kV Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC- 4x35mm2	mét	12	12	12			
13	Cáp ngầm 0,6-1kV Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC- 4x16mm2	mét	690	690	690			
14	Cáp ngầm 0,6-1kV Cu-XLPE/PVC/DSTA/PVC- 4x10mm2	mét	1257	1257	1257			
15	Cáp lên đèn Cu/PVC/PVC-3x2,5mm2	mét	584	584	584			
16	Đầu cốt đồng M35	cái	8	8	8			
17	Đầu cốt đồng M16	cái	370	370	370			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Chênh lệch TH so với hợp		Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu	Tăng (+)			
							(4)	(5)	
(1)	(2)	(3)							
18	Đầu cốt đồng M10	cái	360	360	360				
19	Đầu cốt đồng M6	cái	438	438	438				
20	Ống nhựa xoắn chịu lực $\Phi 50/40$	mét	1886	1886	1886				
21	Ống thép F60 mạ kẽm	mét	73	73	73				
22	Dây đồng M16 tiếp địa liên hoàn	mét	1947	1947	1947				
23	Đầu cốt đồng M16	cái	112	112	112				
24	Bảng dính cách điện	cuộn	24	24	24				
25	Viên sứ bảo hiệu cáp ngầm	cái	162	162	162				

Hưng Yên, ngày tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TV QLDA

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐẠT
TỈNH HUNG YÊN
GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Chiến

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

CÔNG TY TNHH T.V.V. H
TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN
BẮC THÁI BÌNH
TỈNH HUNG YÊN
M.S.D.N: 100118370
C.T.T.N.H.H
GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THÁI BÌNH DƯƠNG
TỈNH HUNG YÊN
M.S.D.N: 1001013914
GIÁM ĐỐC
Vũ Gia Dương

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Nhiệm